

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ - ST

Ngày 26/5/2022.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông Nguyễn Hữu Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Quốc Trị và ông Nguyễn Văn Tăng.

Thư ký phiên tòa: ông Đoàn Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: bà Hoàng Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2021/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1998, tên gọi khác: không.

Trú tại: phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1996, tên gọi khác: không.

Trú tại: phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt. Anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày: Tôi và anh Nguyễn Đức L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến kết hôn với nhau, được UBND thị trấn M, huyện G cấp giấy chứng

nhận kết hôn vào ngày 27/9/2017. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Trong khi đó anh L thường xuyên chơi bời không quan tâm tới gia đình vợ con, anh L còn có hành vi vi phạm pháp luật và đã bị Tòa án xử phạt tù. Sau khi anh L chấp hành án phạt tù về, tôi đã khuyên bảo rất nhiều mong anh L thay đổi để cùng tôi nuôi dạy con cái nhưng anh L vẫn không hề thay đổi mà còn có hành vi bạo lực đối với tôi khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Đến nay tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng tôi đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện G giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Đức L.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung với nhau là cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 21/02/2018 và cháu Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 29/9/2019. Khi ly hôn nguyện vọng của tôi muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho tôi.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2022, bị đơn anh Nguyễn Đức L trình bày: Việc tìm hiểu, kết hôn, cuộc sống chung giữa tôi và cô H đúng như những gì cô Hương đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tôi chơi bời với bạn bè nên đã phát sinh mâu thuẫn với gia đình cô H và trong lúc nóng giận tôi đã tát cô H khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau, cô H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại xã G, huyện G để sinh sống từ tháng 01/2021 và chúng tôi sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Tôi đã nhận ra sai lầm nên đã nhiều lần xin lỗi nhưng cô H vẫn không đồng ý tha thứ cho tôi. Tôi nhận thấy tuy vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng không lớn, chưa đến mức phải ly hôn, tôi không muốn gia đình tan vỡ nên tôi không đồng ý ly hôn. Nếu cô H vẫn kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của cô H, tôi vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có với nhau hai con chung là cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 21/02/2018 và cháu Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 29/9/2019. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với cô H. Nếu phải ly hôn tôi đồng ý giao cả hai con cho cô H trực tiếp nuôi dưỡng và tôi sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cô H nếu cô H có yêu cầu.

Về tài sản và công nợ chung: Chúng tôi không có nên tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên toà bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng,

đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: xử cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Đức L; về con chung đề nghị giao các cháu Nguyễn Mai Ph và Nguyễn Hải Ph cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu Nguyễn Mai Ph và Nguyễn Hải Ph đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; về án phí: chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Đức L có địa chỉ tại phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do chính đáng dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Đức L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi cưới hai người chung sống với nhau tại phố M, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung với nhau nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi chửi nhau. Trong khi đó anh L còn có hành vi bạo lực đối với chị H khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Chị H khẳng định hiện nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã đến mức thật sự trầm trọng không khắc phục được, chị không còn yêu thương anh L nữa. Bản thân anh L cũng khẳng định do anh chơi bời và có hành vi tạt chị H nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn với nhau và chị H đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ tại xã Gia Hòa, huyện G để sinh sống từ tháng 01/2021 và từ đó vợ chồng sống ly thân hoàn toàn cho đến nay. Tuy anh L không đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh L vắng mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai và tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ.

Điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí thực sự hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Đức L đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Đức L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mai H và anh Nguyễn Đức L có hai con chung là các cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 21/02/2018 và cháu Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 29/9/2019. Hiện nay cả hai con đang ở cùng với chị H. Xét thấy hiện nay hai cháu Ph và Ph đang ở cùng với chị H có cuộc sống ổn định. Bản thân anh L cũng có ý kiến nếu phải ly hôn anh L đồng ý giao cả hai con cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H nếu chị H có yêu cầu. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu Ph và Ph nên cần giao các cháu Nguyễn Mai Ph và Nguyễn Hải Ph cho chị Nguyễn Thị Mai H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ph và Ph đủ 18 tuổi. Do chị H không yêu cầu nên Tòa án không buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: chị H và anh L xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên đây:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Nguyễn Đức L.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Mai Ph, sinh ngày 21/02/2018 và cháu Nguyễn Hải Ph, sinh ngày 29/9/2019 cho chị Nguyễn Thị Mai H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu Ph và Ph đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị H. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai H phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2021/0003961, ngày 04/11/2021.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

NGUYỄN HỮU QUỐC